

CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NGUYỄN ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI (GIAI ĐOẠN 1802 - 1884)

LÊ QUANG CHẤN*

Tóm tắt: Trong xã hội Việt Nam cổ truyền nói riêng, xã hội các nước Á Đông nói chung, người cao tuổi không chỉ có vị trí, vai trò quan trọng, mà còn thuộc nhóm người “dễ bị tổn thương” (cùng với phụ nữ, trẻ em, cô nhi, quả phụ, người tàn tật...). Chính vì vậy, Nhà nước quân chủ các triều đại Việt Nam, từ Lý, Trần đến Lê, Nguyễn, đã có nhiều chính sách cùng các chế độ ưu đãi khác nhau đối với người cao tuổi. Bài viết này nghiên cứu những chính sách kính trọng và ưu đãi của nhà Nguyễn (giai đoạn 1802 - 1884) đối với người cao tuổi trên các lĩnh vực: đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng (như hỗ trợ, tạo điều kiện về mặt kinh tế; đề cao quyền lợi về chính trị, xã hội và tín ngưỡng) và bảo vệ danh dự, phẩm giá và sức khỏe đối với người cao tuổi; từ đó rút ra một số nhận xét về những chính sách kính trọng và ưu đãi trên.

Từ khóa: Chính sách, nhà Nguyễn, người cao tuổi, nhóm người “dễ bị tổn thương”.

1. Vị trí, vai trò của người cao tuổi

Truyền thống trọng lão của dân tộc ta bắt nguồn từ tư tưởng lão quyền trong lịch sử. Trong chế độ công xã thị tộc và cả thời kỳ công xã nông thôn, vị trí và vai trò của người cao tuổi luôn được đề cao. Trong đời sống thực tại, ai cũng mong có được Ngũ phúc. Thiên “*Hồng phạm*” của Kinh Thư cho biết Ngũ phúc gồm có: Thọ (sống lâu), phú (giàu có), khang ninh (yên lành), du hảo đức (có đức tốt) và khảo chung mệnh (vui hết tuổi trời). Trong Ngũ phúc, chữ Thọ đứng ở vị trí đầu tiên⁽¹⁾. Chính vì vậy, trong thời quân chủ của nước ta, bách quan trong triều và nhân dân đều chúc

nhà vua *Vạn thọ vô cương* (sống thọ không biên giới); còn người người trong dân gian thường cầu chúc cho nhau *Trường sinh bất tử* (sống mãi không bao giờ chết), *Bách niên giai lão* (cùng sống với nhau đến trăm tuổi, đến lúc già), *Sống lâu trăm tuổi*...

Các vị vua đầu triều Nguyễn đều nhận thức được tầm quan trọng cũng

(*) Thạc sĩ, Viện Sử học.

(1) Xét về vị trí, chữ Thọ nằm giữa, một bên là chữ Phú - Quí, một bên là chữ Khang - Ninh. Khang là khỏe mạnh, cường tráng; Quí chỉ tâm thanh cao; Ninh là môi trường bình yên và Phú chỉ vật chất tinh thần được dồi dào. Như vậy, chữ Thọ vừa đóng vai trò chủ soái vừa liên kết sâu chuỗi mang nghĩa thống nhất cả 5 phúc.

như vị trí, vai trò của người cao tuổi trong xã hội. Gia Long, vị vua sáng nghiệp Vương triều Nguyễn, vì còn phải giải quyết nhiều công việc trọng đại của một quốc gia thống nhất từ ải Lạng Sơn đến mũi Cà Mau nên chưa có nhiều quan tâm đến người cao tuổi. Đến thời trị vì của vua Minh Mệnh thì vị trí, vai trò của người cao tuổi được đề cao hơn, bởi “tuổi tác là cái quý trong thiên hạ từ lâu. Chính sách của vương giả lấy việc dưỡng lão làm đầu”⁽²⁾. Vì vậy, tháng 6 năm Nhâm Ngọ (1822), vua Minh Mệnh đã ban dụ rằng: “Ta nghe trăm tuổi là kỳ, thật là điềm tốt của nước. Vua trọng người già thì dân không dám thờ ơ với cha mẹ, ấy là dạy dân biết hiếu vậy. Tôi trung con hiếu, đàn bà tiết liệt, đàn ông nghĩa khí, người có nước rất nên khuyến khích. Từ xưa kính trọng tuổi tác, ưu đãi bậc già, cất nhắc người hiếu, nêu khen người liêm, đều là để rèn luyện phong hoá cho dân, sáng tỏ trị giáo của nước, để dẫn cuộc đời đến chốn nhân thọ. Trẫm kính nối nghiệp lớn, mở rộng đạo trị, phàm là trung thần thì phong tước mà thờ cúng, là liệt nữ thì ban biếu mà nêu khen, điển lệ có đủ. Nhưng còn những người thọ đến tuổi kỳ (trăm tuổi) cùng là hiếu tử nghĩa phu thì được nêu thưởng, cái đạo dạy dân gây tục e còn chưa đủ. Từ nay, quan các thành dinh trấn đều phải dụng tâm tìm hỏi dân gian, có ai trăm tuổi trở lên, cùng là con hiếu thờ cha mẹ, có thực trạng rõ rệt, như tối

hỏi, sớm thăm, đón trước ý muốn, noi theo chí hướng, sống nuôi thờ, chết chôn cất, hết đạo làm con, mà châu xã đều khen là hiếu, người nghĩa thì thấy lợi không động lòng, như bắt được vàng mà trả lại chủ, của không muốn có vì may, lợi không muốn được hủ hoại, từ hay nhận, lấy hay cho, đều là hợp nghĩa, già trẻ đều tin là liêm, thì đều cho hương lý kết trình quan sở tại, kể đủ thực trạng, làm sách tâu lên, do bộ Lễ đề đạt để chờ ban thưởng, để biểu dương điềm tốt thanh bình, chấn hưng thói tốt hiếu để, cho xứng cái ý thiết tha dạy bảo và sửa tục của trẫm”⁽³⁾. Năm Bính Thân (1836), vua Minh Mệnh tiếp tục nhấn mạnh đến việc dưỡng lão: “Chính thể trị của vương giả lấy việc đãi lão làm đầu. Trẫm từ khi lên ngôi đến nay đã ban khắp phép trị bằng đạo hữu. Phàm tiết thọ của ông già bà già trong dân gian đã nhiều lần gia ân nêu thưởng rất hậu là để mong kết hòa phúc đức, khiến cho người đời đều tới cõi nhân thọ”⁽⁴⁾... Những quan điểm trên của vua Minh

⁽²⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.263-264.

⁽³⁾ *Đại Nam thực lục*, tập 2, *sđđ*, tr.222; Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IV, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.461; Quốc sử quán triều Nguyễn (1974), *Minh Mệnh chính yếu*, tập 3 (phần Giáo hóa), Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên xuất bản, tr.237-239.

⁽⁴⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IV, *sđđ*, tr. 452.

Mệnh đã được vua Thiệu Trị, đặc biệt là vua Tự Đức, kế thừa và phát huy⁽⁵⁾.

Để có những chính sách và biện pháp nêu khen, ban thưởng cụ thể cho những người sống thọ, vua Minh Mệnh đã phân chia người cao tuổi thành hai đối tượng là Thọ quan và Thọ dân. Mục “Phong giáo” trong sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* có ghi chép cụ thể và chi tiết về việc Nêu thưởng Thọ quan và Nêu thưởng Thọ dân. Tháng Giêng năm Quý Mùi (1823), vua Minh Mệnh đã dụ cho bộ Lễ rằng: “Thượng cổ đều lấy trăm tuổi là kỳ hạn. Song từ trước đến nay, thọ đến 70 tuổi đã khen là ít có. Huống chi thọ tới 100 tuổi, được đến tuổi “kỳ di” như thế thực là điều tốt của người buổi thái bình. Trẫm mong nước và dân trường thọ để được thắm nhuần ơn lớn. Từ nay các chức quan lớn nhỏ, tuổi 80 trở lên, thì cho đề tâu rõ ràng, đợi chỉ để thưởng cấp tiền lụa theo thứ bậc”⁽⁶⁾. Từ đó về sau, hàng năm Bộ Lễ yêu cầu các địa phương trong cả nước phải kê khai đầy đủ những người sống thọ và đề tâu lên triều đình xem xét, khen thưởng.

Qua ghi chép của các sử thần triều Nguyễn (sách *Đại Nam thực lục*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (chính biên và tục biên)...) thì trong khoảng 62 năm (từ năm 1822 đến năm 1884), triều đình nhà Nguyễn đã 57 lần nêu khen và ban thưởng cho những người sống thọ trong xã hội (vua Minh Mệnh 18 lần/21 năm ở ngôi, vua Thiệu Trị 5 lần/7 năm cai trị và vua Tự Đức 34 lần/36 năm điều hành đất

nước). Kê khai từ các địa phương cho biết: Năm Quý Mùi (1823), số người thọ 100 tuổi có đến hơn 100 người (riêng dinh Quảng Nam có 27 Thọ dân và 10 Thọ phụ, Bắc Thành có 5 Thọ nam và 9 Thọ phụ); năm Mậu Tý (1828) có 2 người sống thọ 110 tuổi và 36 người sống thọ 100 tuổi; năm Canh Dần (1830) có 41 người sống thọ 100 tuổi...

Thống kê cũng cho biết: số lượng Thọ quan không nhiều, chỉ có 38 người (chủ yếu từ 80 tuổi trở lên, chỉ có 2 người thọ 100 tuổi). Trong khi đó, số lượng Thọ dân (bao gồm cả Thọ nam và Thọ phụ) lại tương đối nhiều. Chỉ tính những Thọ dân sống từ 100 tuổi trở lên trong khoảng từ năm 1822 đến năm 1884, đã có tới 168 người (chắc chắn số liệu thống kê chưa đầy đủ), bao gồm: 1 người thọ 113 tuổi (là Phạm Viết Cương ở Hà Tĩnh), 1 người thọ 111 tuổi (là Đỗ Văn Tài ở Quảng Ngãi), 5 người thọ 110

(5) Bốn vị vua đầu triều Nguyễn là Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị và Tự Đức đều là những người rất có hiếu với mẹ. Nơi ở của mẹ vua (Hoàng Thái hậu) và bà nội vua (Thái hoàng Thái hậu) được đặt những tên gắn với ước vọng sống thọ, sống lâu, như: Cung Trường Thọ (đời vua Gia Long), cung Diên Thọ (đời vua Minh Mệnh), cung Gia Thọ (đời vua Tự Đức) và sau này là cung Ninh Thọ (đời vua Thành Thái), cung Diên Thọ (đời vua Khải Định). Trong các dịp khánh tiết liên quan đến vua (như dâng quang, mừng thọ) và cả trong những dịp mừng thọ ở Từ cung (nhất là mừng thọ Hoàng Thái hậu) thì vua đều có lệ đàm ân - phong tặng cho tâu tiên và ban thưởng cho quan lại, dân chúng, trong đó có cả người nào sống thọ.

(6) *Đại Nam thực lục*, tập 2, sđd, tr. 263; *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IV, sđd, tr.458.

tuổi (là Hoàng Pháp Tân ở Thanh Hóa, Vũ Viết Cường ở Quảng Nam, Nguyễn Văn Năn ở Phú Yên, Đặng Hiệp ở Nghệ An và Nguyễn Văn Nhị ở Bình Định), 1 người thọ 107 tuổi (là Đoàn Văn Loan ở Quảng Nam), 1 người thọ 105 tuổi (là Trần Văn Nghiêm ở Quảng Nam)... Nếu tính theo từng địa phương thì khu vực miền Trung có nhiều người dân sống thọ nhất, trong đó Quảng Nam có 59/168 người, Quảng Ngãi có 42/168 người, Bình Định có 22/168 người và kinh đô Huế (tức phủ Thừa Thiên) chỉ có 6/168 người. Các tỉnh từ Quảng Trị trở ra Bắc, số người sống thọ không nhiều: Nam Định có 7/168 người, Nghệ An có 6/168 người, Hà Nội và Hưng Hóa chỉ có 1/168 người. Các trấn, tỉnh ở phía Nam cũng vậy, số người sống thọ rất ít: Định Tường và Vĩnh Long có 2/168 người.

2. Đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho người cao tuổi

Chính sách của triều đình nhà Nguyễn đối với người cao tuổi là tôn vinh, bảo vệ và có nhiều chế độ ưu đãi. Vậy, biện pháp cụ thể hóa chính sách trên như thế nào và triển khai thực hiện ra sao trong xã hội? Qua những tư liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy, triều đình nhà Nguyễn đã có nhiều biện pháp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho người cao tuổi như sau:

2.1. Hỗ trợ, tạo điều kiện về mặt kinh tế

Ngay sau khi lên ngôi, năm Giáp Tý (1804), vua Gia Long đã tiến hành phân chia ruộng đất trên toàn cõi đất nước, để

mỗi người dân có quyền được sở hữu phần ruộng đất tương ứng với thứ bậc và vị thế của mình trong xã hội. Vua cho rằng, “Phép quân điền buổi quốc sơ (ý nói thời các chúa Nguyễn) đã có định chế, từ loạn Tây Sơn, đồ bản sổ sách đều mất bỏ, quan danh không chính, quân hiệu không minh, những bọn hào hữu tự ý lấn cướp, dân gian phần nhiều có cái nạn không đều, bèn sai đình thần tham khảo phép cũ, bàn định việc chia cấp theo thứ bậc khác nhau”⁽⁷⁾. Khi tiến hành đo chia ruộng đất, các làng xã cần phải quan tâm đến những người dễ bị tổn thương, trong đó có người cao tuổi. Theo quy định, khẩu phần cao nhất là những người có phẩm hàm trên Nhất phẩm được 18 phần; các hạng dân thực nạp 6 phần rưỡi; các hạng dân đinh và lão tật 5 phần rưỡi; các hạng lão nhiều, cổ, cùng 4 phần rưỡi; các hạng tiểu nhiều, nhiều tật, độc phế, 4 phần. Không những thế, những “Lão nhiều và quá phụ, tuổi 70 trở lên, thì chiếu khẩu phần cấp thêm cho một phần”⁽⁸⁾. Nói cách khác, những người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên, ngoài việc được quân cấp từ 4 phần rưỡi đến 5 phần rưỡi, họ còn được “châm chước” để “chiếu khẩu phần cấp thêm cho một phần” để tỏ rõ “ý tốt ở triều đình hậu dưỡng người già”.

Khi người cao tuổi được triều đình nêu khen, tất nhiên, kèm theo đó là những ban thưởng bằng hiện vật như

⁽⁷⁾ *Đại Nam thực lục*, tập 1, *sdd*, tr.638.

⁽⁸⁾ *Đại Nam thực lục*, tập 1, *sdd*, tr.639.

bạc, vải lụa, biển hiệu... Năm Quý Mùi (1823), vua Minh Mệnh đã có những quy định cụ thể về việc ban thưởng cho các Thọ quan và Thọ dân như sau: "Từ nay các chức quan lớn nhỏ, tuổi 80 trở lên, thì cho đề tâu rõ ràng, đợi chỉ để thưởng cấp tiền lụa theo thứ bậc, như: quan Nhất, Nhị, Tam phẩm mà thọ đến 100 tuổi thì thưởng 100 lạng bạc, 10 tấm lụa; từ Ngũ, Lục phẩm thì 80 lạng bạc, 8 tấm lụa; Thất, Bát, Cửu phẩm thì 60 lạng bạc, 6 tấm lụa. Mệnh phụ thì chiếu phẩm mà giảm 1 phần 3. Đều cấp cho biển ngạch, dựng đình ở cửa làng để nêu khen. Lại cách ngoại gia thêm quan hàm và thưởng thêm ghê, gậy, đồ vật, gấm, đoan, vàng, lụa. Tới kỳ thì tâu rõ ràng, đợi chỉ để ban cấp. Thọ 110 tuổi thì lại thêm 50 lạng bạc, 5 tấm lụa; cứ thêm 10 tuổi thì số tiền lụa lại gấp đôi lên, thưởng cấp hậu thêm. Còn như sĩ lưu, hương trưởng mà thọ 100 tuổi thì thưởng 30 lạng, vải lụa đều 5 tấm, cũng cho biển ngạch và dựng đình treo biển. Đàn ông thọ 100 tuổi thì thưởng 30 lạng bạc, vải lụa mỗi thứ 3 tấm, đàn bà thọ 100 tuổi thì thưởng 20 lạng bạc, lụa vải đều 2 tấm; đều được cấp biển treo ở chỗ ở. Trở lên, cứ thêm 10 tuổi thì thưởng thêm 10 lạng bạc"⁽⁹⁾.

Trong lệ ân ban cho các Thọ quan, Thọ dân năm Nhâm Tý (1852), vua Tự Đức bãi bỏ việc ban thưởng bằng tiền bạc, chỉ ban cho lụa và vải, cụ thể: "Thọ quan đã hưu trí: Hạng 70 tuổi trở lên, văn từ Lục phẩm đến Cửu phẩm, võ từ Lục phẩm đến Cửu phẩm, lụa và vải mỗi

thứ 1 tấm; văn từ Tứ phẩm đến Lục phẩm, võ từ Tam phẩm đến Ngũ phẩm, 1 tấm lụa, 2 tấm vải; văn Nhất, Nhị, Tam phẩm, võ Nhất, Nhị phẩm, lụa và vải mỗi thứ 2 tấm. Hạng 80 tuổi trở lên, văn từ Thất phẩm đến Cửu phẩm, võ từ Thất phẩm đến Cửu phẩm, lụa 1 tấm, vải 2 tấm; văn từ Tứ phẩm đến Lục phẩm, võ từ Tam phẩm đến Ngũ phẩm, lụa và vải mỗi thứ 2 tấm; văn Nhất, Nhị, Tam phẩm; võ Nhất, Nhị phẩm, lụa và vải mỗi thứ 3 tấm. Hạng 90 tuổi trở lên, văn từ Thất phẩm đến Cửu phẩm, võ từ Lục phẩm đến Cửu phẩm, lụa và vải mỗi thứ 2 tấm; văn từ Tứ phẩm đến Lục phẩm, võ từ Tam phẩm đến Ngũ phẩm, lụa 2 tấm, vải 3 tấm; văn Nhất, Nhị, Tam phẩm, võ Nhất, Nhị phẩm, lụa 3 tấm, vải 4 tấm. Hạng 100 tuổi trở lên, văn từ Thất phẩm đến Cửu phẩm, võ từ Lục phẩm đến Cửu phẩm, lụa và vải mỗi thứ 3 tấm; văn từ Tứ phẩm đến Lục phẩm, võ từ Tam phẩm đến Ngũ phẩm, lụa 3 tấm, vải 4 tấm; văn Nhất, Nhị, Tam phẩm, võ Nhất, Nhị phẩm, lụa, vải mỗi thứ 4 tấm. Dân thọ: Hạng 100 tuổi trở lên, lụa 2 tấm, vải 3 tấm; hạng 90 tuổi trở lên, lụa 1 tấm, vải 2 tấm; hạng 80 tuổi trở lên lụa và vải mỗi thứ 1 tấm; hạng 70 tuổi trở lên vải 2 tấm"⁽¹⁰⁾.

Năm Bính Dần (1866), vua Tự Đức cho khôi phục việc thưởng tiền bạc, kèm theo đó là ban thưởng thêm những tấm sa tàu, sa nam, lụa, vải: "Quan thọ đến

⁽⁹⁾ *Đại Nam thực lục*, tập 2, *sđđ*, tr.257.

⁽¹⁰⁾ *Đại Nam thực lục*, tập 7, *sđđ*, tr.251.

100 tuổi, Nhất phẩm thường 70 lạng bạc, Nhị phẩm 60 lạng, Tam phẩm 50 lạng, mỗi người 5 tấm sa tàu và 1 tấm biển, Nhà nước làm nhà riêng cho, cứ tăng 10 tuổi được thêm 20 lạng bạc và 2 tấm sa tàu, trở xuống đến Bát, Cửu phẩm cũng thế; quan Tứ, Ngũ, Lục phẩm, thưởng bạc 40 lạng, sa nam 4 tấm, 1 biển, Nhà nước làm nhà riêng cho; Thất, Bát, Cửu phẩm thưởng bạc 30 lạng, sa nam 3 tấm và 1 tấm biển, Nhà nước không làm nhà riêng cho, dưới cũng thế; những người học trò cùng người đàn anh trong làng, sống 100 tuổi thưởng bạc 15 lạng, lụa 1 tấm, vải 2 tấm, cứ thêm 10 tuổi thưởng thêm 5 lạng bạc, dưới cũng thế; dân đàn ông, thưởng bạc 12 lạng, lụa vải đều 1 tấm. Thọ 90 tuổi (từ đây trở xuống, nguyên trước do đặc cách ban ơn, chưa có lệ định đến nay mới vâng chỉ chúc định), quan Nhất phẩm thưởng bạc 60 lạng, Nhị phẩm 50 lạng, Tam phẩm 40 lạng, sa tàu đều 4 tấm, văn giai Tứ, Ngũ phẩm và đã bổ làm quan phủ, huyện, châu, võ giai Tứ phẩm đều thưởng bạc 20 lạng, sa nam đều 3 tấm. Thọ 80 tuổi, Nhất phẩm thưởng bạc 50 lạng, Nhị phẩm 40 lạng, văn quan Tam phẩm 30 lạng, sa tàu đều 3 tấm; văn Tứ phẩm, võ Tam phẩm đều thưởng bạc 15 lạng, sa nam đều 2 tấm. Quan và dân sống đến 100 tuổi, 5 đời cùng còn sống, về cách thưởng thọ 100 tuổi sẽ theo khoản trước mà làm, không ở lệ này, nếu cùng báo lên thì được thưởng cả hai dưới đây:

Nhất, Nhị, Tam phẩm thưởng bạc 20 lạng, sa tàu 4 tấm, lụa vải màu đều 4 tấm, 1 tấm biển, Nhà nước làm nhà riêng cho, dưới cũng thế; Tứ, Ngũ, Lục phẩm thưởng bạc 15 lạng, sa nam 3 tấm, lụa mùi và vải đều 3 tấm; Thất, Bát, Cửu phẩm thưởng bạc 10 lạng, sa nam 2 tấm, lụa vải màu đều 2 tấm; bọn học trò hương trưởng thưởng bạc 8 lạng, lụa vải màu đều 2 tấm; người dân đàn ông, thưởng bạc 6 lạng, lụa màu 1 tấm, vải màu 2 tấm. Người thọ 70, 80, 90 tuổi trở lên, 5 đời cùng còn sống, quan Nhất, Nhị, Tam phẩm thưởng bạc 15 lạng, sa tàu 3 tấm, lụa vải màu đều 3 tấm, 1 tấm biển, Nhà nước làm nhà riêng cho (dưới cũng thế); quan Tứ, Ngũ, Lục phẩm thưởng bạc 10 lạng, sa nam 2 tấm, lụa vải màu đều 2 tấm; Thất, Bát, Cửu phẩm thưởng bạc 8 lạng, sa nam 1 tấm, lụa màu 1 tấm, vải màu 2 tấm, không có nhà riêng (dưới cũng thế); bọn học trò, hương trưởng thưởng bạc 6 lạng, lụa màu 1 tấm, vải màu 2 tấm; người dân đàn ông thưởng bạc 5 lạng, lụa vải màu đều 1 tấm"⁽¹¹⁾. Đặc biệt, để ghi nhận sự kiện trọng đại đó, nhà vua ra lệnh phải làm tấm biển thật nguy nga, lộng lẫy, chung quanh được chạm trổ rồng hoa, sơn son thếp vàng; mặt trước khắc 2 chữ *Sắc tứ*, ở giữa khắc ngang 2 chữ *Thọ quan* to, hàng dưới khắc các chữ họ tên viên quan ấy; người ở tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã nào, sống 100 tuổi, đặc ân ban

⁽¹¹⁾ *Đại Nam thực lục*, tập 7, *sđd*, tr.1018-1019.

thường để nêu điểm lành về người ở đời thăng bình, sau khắc niên hiệu, năm, tháng, ngày. Đồng thời, nhà vua cũng cho phép Bộ Công dựng một tòa nhà riêng cho ở và để treo tấm biển đó. Đối với những gia đình có người thọ 100 tuổi, lại có ngũ đại đồng đường thì cũng cho khắc một tấm biển chung quanh chạm trổ rồng và hoa, sơn son thếp vàng, mặt trước khắc 2 chữ *Sắc tứ*, ở giữa khắc ngang 4 chữ *Dịch diệp diên trường* to, dưới khắc họ tên người ở tỉnh, phủ, huyện, tổng, xã nào sống 100 tuổi, năm đời cùng còn sống, phía sau cũng khắc niên hiệu, năm, tháng, ngày.

Với những biện pháp hỗ trợ, tạo điều kiện về mặt kinh tế, triều đình nhà Nguyễn đã giúp những người cao tuổi, nhất là Thọ nam và Thọ phụ ở các địa phương, ổn định và có cuộc sống no đủ hơn, dù rằng họ đã được gia đình (con cái, cháu chắt) và dòng tộc chăm sóc, bảo vệ.

2.2. Đề cao quyền lợi về chính trị, xã hội và tín ngưỡng

Theo quy định của nhà Nguyễn, quan chức đến tuổi 70 sẽ được hưu trí. Năm Quý Mùi (1823), vua Minh Mệnh đã chuẩn định, “phàm người có quan chức đến tuổi 70 trở lên, đều cho lấy nguyên hàm về hưu trí. Nếu là người lão thành mạnh khỏe, hãy cho ở lại cung chức, đợi đến kỳ đợi chỉ”⁽¹²⁾. Như thế, những người khi về hưu, ngoài việc được hưởng nguyên hàm (bao gồm lương, bổng), họ còn được hưởng một quyền

lợi khác (như được sự ban thưởng tiền bạc trong các dịp đại lễ của triều đình, được ban cấp tiền tuất khi chết, được ban cấp triều phục khi về hưu và được khiêm niệm khi chết,...). Đối với những vị quan nào đến tuổi 70, xin về hưu mà vua không đồng ý, lưu lại làm việc thì họ được hưởng thêm nhiều ưu đãi của triều đình, đặc biệt là đối với những quan viên sống thọ đang tại chức. Năm Quý Sửu (1853), vua Tự Đức ban dụ rằng: “Đông các Đại học sĩ là Vũ Xuân Cẩn làm quan trải 4 triều, tính tình cẩn thận, thuần trung, tuổi đến 80 hãy còn tại chức; cho nên ngày 14 tháng 10 là chính đến kỳ mừng thọ 80 tuổi của khanh ấy, gia ân cho 1 cái biển vàng ngự bút 4 chữ *Hy triều kỳ thạc* (Bậc lão thành danh vọng ở triều đình); 2 bài thơ ngự chế 9 tiết, 1 cây gậy cừu, 1 cái mực kích bằng thủy tinh vàng tía, 80 lạng bạch kim, 6 tấm lụa màu, 1 bộ đồ uống, 1 bộ đồ uống rượu, 3 chiếc đồ sứ, 1 hộp chè ngon, 5 cốc uống rượu Tây. Chuẩn phái cho Quản thị vệ là Tôn Thất Thường, ấn quan Nội các là Nguyễn Văn Phong mang các vật đến truyền chỉ khen thưởng”⁽¹³⁾. Với lão thần Tạ Quang Cự, vua Tự Đức cũng xuống dụ rằng: “Viên Đô thống Chương phủ sự ở phủ

⁽¹²⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập II, *sđđ*, tr. 453. Việc nhà Nguyễn lấy tuổi 70 về hưu là căn cứ theo sách *Kinh Lễ*, vì sách này cho biết, quan đại phu 70 tuổi thì nghỉ việc, xưa nay không ai là không noi theo.

⁽¹³⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IV, *sđđ*, tr. 460-461.

Đô thống Trung quân, tước Vũ Lao hầu Tạ Quang Cự, làm quan trải 4 triều, có công rõ rệt, tuổi thọ 80, tinh thần còn quắc thước. Ngày 21 tháng này (tháng 10), chính đến ngày mừng thọ, bèn gia ơn chuẩn cho 1 cái biển vàng có ngự bút *Lão phúc nguyên huân* (Già phúc công đầu); 1 bài thơ ngự chế 9 tiết, 1 cây gậy cừu, 1 cái mực kích bằng thủy tinh vàng tía, 80 lạng bạch kim, 6 tấm lụa màu, 1 bộ đồ uống chè, 1 bộ đồ uống rượu, 3 chiếc đồ sứ, 1 hộp chè ngon, 5 cốc uống rượu Tây. Chuẩn cho Quân thị vệ là Trần Kim và án quan Nội các là Trần Mẫu mang các vật đến truyền chỉ khen thưởng⁽¹⁴⁾. Khi Tạ Quang Cự nghỉ hưu, vua lại ban thêm 5 lạng nhân sâm vua dùng, 15 tấm lụa, 100 lạng bạc và mũ áo triều chuẩn cho đem theo về; hàng năm vẫn cấp cho nửa lương để dưỡng lão⁽¹⁵⁾.

Những quan viên hưu trí thọ đến 100 tuổi, triều đình nhà Nguyễn cũng có nhiều ưu đãi. Năm Ất Ty (1845), Ty quan ở Cục Mộc tượng đã hưu trí là Nguyễn Văn Nhuệ thọ 100 tuổi, vua Thiệu Trị đã gia ân cho thưởng thụ Bát phẩm cách hộ, chuẩn cho hưu trí tại bản quán, lại thưởng cho 60 lạng bạc, 1 tấm lụa, địa phương sở tại dựng làm phùng biển (ngôi nhà dựng lên để biển ngạch của vua ban thưởng); đầu xuân cấp cho rượu thịt để tỏ ý tốt ở triều đình hậu dưỡng người già. Năm Ất Sửu (1865), Nguyễn Văn Ninh, nguyên là Thông lại tỉnh Bắc Ninh, vì thọ 100 tuổi, vua Tự Đức đã đặc cách cho dựng nhà để treo

tấm biển, khắc hai chữ Thọ quan, thưởng bạc 50 lạng, sa nam 5 tấm.

Những người sống thọ, ngoài hai đôi tượng chính Thọ quan và Thọ dân (tức những người đàn ông sống thọ, nên thường gọi là Thọ nam) thì Mệnh phụ (tức những người phụ nữ được phong quan chức) cũng được hưởng những ưu đãi như quan chức văn võ, nhưng “chiều theo phẩm hàm giảm đi một phần ba”⁽¹⁶⁾. Đối với những người đàn bà sống thọ ở các địa phương (còn gọi là Thọ phụ)⁽¹⁷⁾, triều đình cũng cho hưởng ưu đãi. Quy định năm Đinh Hợi (1827) của vua Minh Mệnh cho biết: “...Nay gặp tiết đại khánh lục tuần của Hoàng Thái hậu, đầu mùa xuân ban ân chiếu, thưởng cấp cho quân và dân, từ 80 tuổi trở lên, số vải lụa gạo có sai biệt. Những người đàn bà sống lâu cũng được chiếu hạng cấp cho. Từ nay về sau, kể theo các kỳ khánh tiết, có lệ đàm ân, đều cho phụ nữ được dự”⁽¹⁸⁾. Điều rất đặc biệt là,

⁽¹⁴⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IV, *sđđ*, tr. 461.

⁽¹⁵⁾ *Đại Nam thực lục*, tập VII, *sđđ*, tr. 496.

⁽¹⁶⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IV, *sđđ*, tr. 458.

⁽¹⁷⁾ Ngoài bốn đôi tượng trên (Thọ quan, Thọ dân, Mệnh phụ và Thọ phụ), triều đình nhà Nguyễn còn tặng thưởng tiền bạc và vải lụa cho sĩ lưu (những người có học ở trong làng), hương trưởng (những người cai quản làng xã như Xã trưởng, Hương lý...) sống thọ. Mức thưởng của họ thường thấp hơn Thọ quan, nhưng lại cao hơn Thọ dân.

⁽¹⁸⁾ *Minh Mệnh chính yếu*, tập 3 (phần Giáo hóa), *sđđ*, tr. 248; *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IV, *sđđ*, tr. 462.

4 Thọ dân sống thọ 100 tuổi đầu tiên được triều đình ban thưởng, đều là những Thọ phụ. Năm Nhâm Ngọ (1822), vua Minh Mệnh đã “chuẩn y lời nghị thường đàn bà thọ 100 tuổi ở Thanh Hóa là Hoàng Thị Điệp 20 lạng bạc và chuẩn chế cấp cho biển ngạch (ở giữa biển khắc hai chữ Trinh thọ, mé trên khắc hai chữ sắc tứ, ở dưới khắc những chữ niên hiệu ngày tháng, chung quanh chạm trổ mây hoa và sơn son thếp vàng... Phái viên huyện sở tại đệ đến nhà ấy treo biển vàng lên, cấp cho bạc lạng, để tỏ rõ lễ trọng thể ưu đãi người già”⁽¹⁹⁾. Năm Quý Mùi (1823), Thọ phụ 100 tuổi ở phủ Thừa Thiên là Nguyễn Thị Triết, ở trọ trong thành, tuy không rõ quê quán, nhưng vẫn gia ân chiếu lệ thưởng cấp. Năm Bính Tuất (1826), Thọ phụ 100 tuổi ở Quảng Nam là Quách Thị Ư đã có chỉ khen thưởng; nhưng người ấy ốm chết vào đúng ngày sớ văn đưa đến, nên vẫn theo lệ chiếu phát bạc lạng, vải lụa, còn biển ngạch thì đình không cấp. Năm Đinh Hợi (1827), người mẹ của Trần Văn Tín làm Thủ ngữ cửa biển Thi Nại tỉnh Bình Định là Trần Thị Phúc thọ đến 100 tuổi cũng chiếu theo lệ ban thưởng.

Bên cạnh việc nêu khen và ban thưởng cho những Thọ dân người Kinh, triều đình nhà Nguyễn cũng chú ý nêu thưởng những Thọ dân người dân tộc ít người. Năm Canh Dần (1830), vua Minh Mệnh đã xuống chỉ: “Quản tri Nhiên, trại Lang Giao (nay thuộc tỉnh Đồng

Nai), năm nay thọ đến 100 tuổi, đã được thành ấy xét thực, người ấy vốn là người Man, tuy không được so bì như Thọ quan, Thọ dân, nhưng nghĩ đến khi loạn lạc có chút công lao, nay gặp thái bình, lại được lên tuổi thọ. Vậy nên ngoài lệ gia ơn cho người Man ấy, vẫn cho thưởng 20 lạng bạc để tỏ lòng hậu nghĩ đến diêm người thọ, coi đâu cũng đều như thế cả, để khuyến khích dân Man lạc”⁽²⁰⁾.

Các vị vua triều Nguyễn cũng đã trừng trị nghiêm khắc đối với những quan viên chậm trễ trong việc kê khai cũng như chăm sóc những người dân sống thọ tại địa phương do mình cai quản. Năm Quý Mùi (1823), khi vua yêu cầu các thành, dinh, trấn kê khai những người sống thọ 100 tuổi trở lên, vì dinh Quảng Đức, Quảng Nam và Quảng Bình lập danh sách tâu lên chậm trễ, khiến 8 Thọ dân bị bệnh chết trước khi được khen thưởng, vua Minh Mệnh đã ban dụ khiển trách rằng: “Thiên hạ

⁽¹⁹⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IV, sđđ, tr. 461.

⁽²⁰⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IV, sđđ, tr. 463. Sách *Minh Mệnh chính yếu* (tập III, sđđ, tr. 254) cho biết thêm: Khi Thế tổ Cao Hoàng đế (vua Gia Long) mới khôi phục thành Gia Định, sai các người Miên (tức người Khome) dâng gạo, lại cho hơn ngàn người Miên khỏe mạnh làm lính. Sau ngày đại định, Ngài cho đặt chức Quản tri những người Miên làm lệ dịch. Đến năm Minh Mệnh thứ 11, người giữ chức Quản tri sách Lang Giao, thuộc Phúc Khánh, Biên Hòa (tên là Nhiên), hưởng thọ 100 tuổi. Bầy tâu thành Gia Định tâu lên. Hoàng đế đặc biệt ban cho vàng tốt 20 lạng”.

quý tuổi thọ đã lâu nên chính sách của bậc vương giả lấy việc nuôi người già làm trước. Đời nhà Hán tuyên bố chiếu chỉ ở Sơn Đông, khiến người già muốn sống thêm chốc lát cho khỏi chết, để được xem đức hóa. Nay miền ngoài kinh thành có những bậc cao niên ấy, thế mà khiến họ không kịp hưởng ân trạch mừng thời thái bình, đó là tội của quan địa phương. Hạ lệnh giáng một cấp”⁽²¹⁾. Năm Đinh Hợi (1827), khi tỉnh thần Bình Thuận kê khai Thọ dân trong hạt, bỏ sót 3 người đã từng bị phát giác, nên xử nhẹ phạt 3 tháng lương bổng. Cũng trong năm này (1827), Thọ nam Trần Quốc Tuấn và Thọ phụ Vũ Thị Ninh ở phủ Hoài Đức, đều thọ 101 tuổi mới làm sổ tâu lên, vì những người trưởng phổ năm ngoái báo sót nên vua đã phạt 40 roi để răn bảo. Năm Canh Dần (1830), tỉnh thần Quảng Ngãi không kê khai và dâng sổ tâu xin thưởng cho 2 Thọ dân 100 tuổi (là Nguyễn Văn Hạc, Lưu Văn Uẩn) kịp thời, đến nỗi họ bị chết bệnh, nên viên quan trấn, phủ, huyện đương chức đều bị giáng 1 cấp, cho lưu lại làm việc. Năm Mậu Tuất (1838), ở Quảng Ngãi có 6 Thọ dân sống thọ 100 tuổi, nhưng đã qua 4, 5 năm mới làm tờ tâu xin, khiến viên chức của phủ, huyện ấy bị phạt bổng 3 tháng, quan tỉnh bị phạt bổng 2 tháng. Những địa phương nào có người sống thọ, chưa làm sổ tâu xin mà tự tiện ban khen, cũng bị phạt. Đó là sự việc xảy ra ở trấn Bình Hòa năm Đinh Hợi (1827), khi kỳ dân Phan Văn Tứ thọ 100 tuổi, quan trấn ấy tự tiện chi vàng

bạc, vải lụa và rượu thịt chiêu cấp. Việc xong mới dâng sổ tâu xin thưởng cấp biển ngạch. Vua Minh Mệnh cho rằng, làm như thế là không hợp phép và viên trấn Bình Hòa bị giáng 2 cấp, cho lưu lại làm việc.

Tất cả những biện pháp đề cao quyền lợi về chính trị, xã hội và tín ngưỡng đối với người cao tuổi của triều đình nhà Nguyễn đã “góp phần vào việc duy trì và phát huy truyền thống trọng xỉ - trọng lão của cha ông ta”⁽²²⁾.

2.3. Bảo vệ danh dự, phẩm giá và sức khỏe đối với người cao tuổi

Bên cạnh những quyền và lợi ích chính đáng như đã trình bày ở trên, người cao tuổi còn được triều đình nhà Nguyễn bảo vệ danh dự, phẩm giá và sức khỏe (tức là đời sống tinh thần) thông qua luật pháp, cụ thể là bộ Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long).

Ngay trong phần *Biểu đồ các lệ chuộc tội* của bộ Hoàng Việt luật lệ có giải thích: “Trừ các tội xử tử thực phạm có liên quan đến Thập ác như làm tổn hại danh nghĩa, tham của pháp luật, nhận ăn của đút và các tội gian dâm, trộm cướp, giết người ra, còn các tội khác không may do liên can đến sự việc, tình cảnh đáng thương, cũng đáng tha thứ cho, thì đều cho chuộc tội bằng tiền”. Riêng các loại tội nhân già cả, trẻ thơ, tàn tật, nhân viên thiên văn, đàn

⁽²¹⁾ *Minh Mệnh chính yếu*, tập III, *sđd*, tr. 239.

⁽²²⁾ Văn Tạo (1999), “Nhà nước phong kiến Việt Nam đối với người cao tuổi”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 2, tr. 31.

bà... thì đã có chiếu cố để tỏ ý thương già yếu trẻ, thương hại người tàn tật, khoan dung nghệ nhân và thương xót đàn bà”⁽²³⁾. *Biểu đồ các lệ chuộc tội* cũng ghi chú những đối tượng được ưu tiên cho phép nộp tiền để chuộc tội là: “1. Trường hợp người phạm tội là người già, trẻ con, ốm yếu, tàn tật hoặc là nhân viên Nha thiên văn khí tượng và đàn bà thì tính số lượng bị xử rồi chiếu theo lệ cho chuộc bằng tiền...”.

Phần *Danh lệ* đã dành hai điều luật và bảy điều lệ đi kèm để quy định về việc người già, trẻ em, người tàn tật... phạm tội. Người già, trẻ em khi phạm tội thì được hưởng ưu đãi giống như các đối tượng được hưởng Bát nghị, không bị dùng hình khảo vắn. Điều luật *Lão ấu bất khảo vắn* (Già cả, ấu thơ không bị khảo vắn) quy định: “Phạm những người được hưởng Bát nghị (theo lễ, nên ưu đãi) và những người từ 70 tuổi trở lên (người già, nên thương xót), từ 15 tuổi trở xuống (với trẻ con, nên nhân từ), bị tàn tật (tàn tật, nên thương xót), nếu có phạm tội quan ti đều không được dùng hình khảo vắn, phải căn cứ vào các bằng chứng mà định tội. Trái phép điều này sẽ chiếu theo điều luật cố ý thêm bớt tội cho người mà luận tội (cố ý thêm tội phải chịu toàn tội, bớt tội được giảm 3 mức)”.

Người già, trẻ em và người tàn tật phạm tội, sau khi đã định tội, đối với một số tội danh nhất định lại được xem xét cho nộp tiền chuộc. Điều luật *Lão thiếu phế tật thâu thực* (Già cả, trẻ dại và người ốm yếu cho nộp tiền chuộc)

quy định: “Phạm từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và những người tàn phế hoặc bệnh tật (như mù một mắt, cụt một chi) phạm tội lưu trở xuống cho thu tiền chuộc (kẻ phạm tử tội, tội mưu phản, chống đối, đáng tội đi đày, nếu dùng các thứ độc hại chặt chém làm chết người, giết ba người trong một nhà, gặp lúc ân xá vẫn bắt tội đi đày, thì không được áp dụng theo luật này... Kẻ phạm tội sung vào quân ngũ cũng chiếu theo tội lưu cho thu tiền chuộc). 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống và những kẻ bị tật nặng (mù hai mắt, cụt hai chi) phạm việc giết người (cố tình mưu đánh nhau), đáng khép vào tội tử (xử chém hoặc thắt cổ) xem xét tâu lên vua quyết định (kẻ phạm tội phản nghịch không theo luật này). Trộm cắp làm tổn thương người khác (tội không đến mức phải chết) cũng cho thu tiền chuộc (đã xâm phạm làm tổn hại đến người khác, cho nên không được tha bổng, cũng cho chuộc tiền). Ngoài ra, đều không xét xử (có nghĩa là trừ kẻ giết người đáng khép vào tội chết, phải tâu lên trên vua xét. Kẻ trộm, làm tổn thương đến người khác, cho được chuộc bằng tiền, ngoài ra phạm các điều khác đều không bắt tội)”. Các điều lệ kèm theo điều luật này cũng quy định rất cụ thể từng trường hợp người già, trẻ em và

(23) Tất cả trích dẫn liên quan đến những điều luật và lệ của bộ Hoàng Việt luật lệ, chúng tôi theo sách *Cổ luật Việt Nam: Lê triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ* (2009), Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội và tham khảo, đối chiếu sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập VI, sđd.

người tàn tật phạm tội, tương ứng với các cách thi hành hình phạt. Nhìn chung, các hình phạt đều được thi hành theo hướng giảm nhẹ, ưu tiên đối với các đối tượng này, như: “Phạm người già, trẻ con và những người tàn tật phạm tội, theo luật cho thu tiền chuộc, nhưng theo lệ phải cùm kẹp thì tha, nếu phải đánh trượng thì cho thu tiền chuộc”, “Hàng năm mùa thu xét các phạm nhân, những kẻ phạm tội khi 15 tuổi trở xuống, hoặc hiện thời trên 70 tuổi, đã trải qua cửu khanh cân nhắc thấy tình cảnh đáng thương xót, có thể được đội ơn vua giảm xuống tội đi đầy, đều cho phép thu tiền chuộc. Triều đình có xem xét thì cũng chiếu theo lệ này để thi hành”, “Phạm từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và những người tàn tật, bị tội đi đầy trở xuống cho phép thu tiền chuộc một lần, ghi rõ trong bản án. Nếu sau khi đã lỡ thu tiền chuộc lại phạm tội, trừ trường hợp do lầm lỡ liên lụy vì người khác mà phạm tội, vẫn cho phép chiếu theo lệ mà thu tiền chuộc”.

Luật pháp cũng quy định rất cụ thể cách xử lý đối với các trường hợp phạm tội khi chưa già và tàn tật. Người phạm tội khi chưa già, chưa tàn tật đến khi già cả, tàn tật việc mới phát giác thì xử theo luật già cả, tàn tật. Điều luật *Phạm tội thời vị lão tật* (Phạm tội khi chưa già và tàn tật) quy định: “Khi phạm tội chưa già cả, tàn tật đến khi già cả, tàn tật việc mới phát giác thì xử tội theo luật già cả, tàn tật (tức là, ví như 69 tuổi trở xuống phạm tội, đến khi 70 tuổi sự việc mới bị

phát giác. Hoặc lúc phạm tội chưa bị tàn tật, sau khi tàn tật việc mới bị phát giác, thì được xử theo luật già cả, tàn tật, cho thu tiền chuộc. Hoặc 79 tuổi trở xuống mắc vào tử tội, nhưng 80 tuổi sự việc mới phát giác, hoặc mắc tội lúc tàn tật đến lúc bị tật nặng việc mới phát giác, thì được kêu xin lên vua. 89 tuổi phạm vào tử tội, 90 tuổi sự việc mới bị phát giác, được xếp vào loại không xử tội). Còn như ở trong thời hạn bị tội đồ mà già cả, tàn tật cũng như thế (tức là, 69 tuổi trở xuống mắc tội đồ, lao dịch trong 3 năm, chưa mãn hạn đã 70, 80 tuổi. Hoặc khi bị tội đồ thì không có bệnh trong thời gian lao dịch bị tàn tật, thì cho phép áp dụng theo luật đối với người già cả, tàn tật cho thu tiền chuộc tội)”.

Danh dự và phẩm giá của người cao tuổi cũng được quan tâm đặc biệt. *Điều 253* (Muru giết ông bà), *Điều 288* (Đánh ông bà, cha mẹ), *Điều 298* (Mắng nhiếc ông bà, cha mẹ), *Điều 300* (Thê thiếp mắng cha mẹ của người chồng đã chết), *Điều 307* (Cháu con sai phạm lời răn dạy của ông bà), *Điều 335* (Vu cáo cha chồng gian dâm)... của bộ *Hoàng Việt luật lệ* (Luật Gia Long) đã thể hiện rõ điều này.

3. Một vài nhận xét

3.1. Những chính sách của nhà nước quân chủ Việt Nam đối với người cao tuổi qua các thời kỳ lịch sử đã góp phần vào việc duy trì, kế thừa và phát huy truyền thống *trọng xỉ* (trọng lão) của cha ông ta. Điều đó rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ đất nước cũng

như đại đoàn kết dân tộc, mà Hội nghị Diên Hồng thời Trần là một ví dụ điển hình. Đến thời Nguyễn, việc kính trọng, ưu đãi người cao tuổi được xây dựng thành điển lệ (mục Phong giáo có chép rõ các điều về Nêu thưởng Thọ quan và Nêu thưởng Thọ dân), coi chế độ ưu đãi người cao tuổi là một phong tục tập quán tốt đẹp, chứa đựng nhiều giá trị nhân văn sâu sắc.

3.2. Trong số bốn vị vua đầu triều Nguyễn, Minh Mệnh và Tự Đức là hai vị vua có sự quan tâm đặc biệt đến người cao tuổi. Từ việc khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của người cao tuổi, vì tuổi tác là cái quý giá trong thiên hạ nên các bậc vương giả thường “lấy việc dưỡng lão làm đầu”. Nói một cách khác, “triều đình phong kiến khi còn anh minh, thịnh trị vẫn tôn trọng truyền thống trọng lão”, “ở triều đình, các vua hiền, tôi thẳng thường là trọng lão”⁽²⁴⁾.

Chính sách kính trọng và ưu đãi người cao tuổi của nhà Nguyễn được thể hiện qua nhiều biện pháp cụ thể, nhưng tựu trung, có hai nội dung cốt yếu: *Đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng* (cả về vật chất lẫn đời sống tinh thần) và *bảo vệ danh dự, phẩm giá và sức khỏe của người cao tuổi*, giúp họ có được cuộc sống no đủ, sung túc, an lạc, sung vầy cùng gia đình và con cháu.

3.3. Nhà Nguyễn đã phân chia người cao tuổi trong xã hội thành hai thành phần chính, là Thọ quan và Thọ dân, kèm theo đó là những quy định ban thưởng rõ ràng. Bên cạnh đó, sĩ lưu,

hương trưởng (người có học và những người quản lý làng xã sống thọ), những Mệnh phụ (phụ nữ được phong chức tước), Thọ phụ (phụ nữ sống thọ ở các địa phương) cũng được nêu thưởng. Đây là một điểm mới so với các triều đại trước đó, thể hiện rõ nét tinh thần nhân văn và tiến bộ trong chính sách xã hội đối với các nhóm người “dễ bị tổn thương” trong xã hội (bao gồm người già, trẻ nhỏ, phụ nữ, người tàn tật, cô nhi, quả phụ...).

3.4. Những chính sách của nhà Nguyễn đối với người cao tuổi, dù đã kính trọng và có nhiều ưu đãi, nhưng vẫn không tránh khỏi những hạn chế mang tính giai cấp của nước Việt Nam thế kỷ XIX, đó là phân chia người sống thọ thành Thọ quan và Thọ dân (theo đẳng cấp trong xã hội); coi trọng Thọ nam hơn Thọ phụ (trọng nam khinh nữ), coi trọng lão giàu sang, quyền quý hơn lão nghèo hèn,...

Nghiên cứu, tìm hiểu về chính sách của nhà Nguyễn đối với người cao tuổi (giai đoạn 1802 - 1884) giúp chúng ta có cái nhìn bao quát và sâu sắc hơn về sự kính trọng cũng như những chế độ ưu đãi người cao tuổi của Nhà nước quân chủ chuyên chế cuối cùng trong lịch sử nước ta. Đó là di sản nhân văn quý giá của dân tộc, cần được kế thừa và phát huy trong xã hội hiện đại ngày nay.

⁽²⁴⁾ Văn Tạo (1999), “Nhà nước phong kiến Việt Nam đối với người cao tuổi”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 2, tr. 28.

